TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Kiều

Ông Nguyễn Phú Hữu

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 102/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 91/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dương Thị Â, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ A, Ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Phan Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Dương Thị Â trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 160 ngày 19/12/2005. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau cuộc sống gia đình phát sinh

nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã ly thân khoảng 10 năm. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Phan Thanh T có 02 con chung là Dương Thị Mỹ D, sinh năm 19/08/2004 và Phan Thị Huỳnh C, sinh ngày 21/07/2010. Hiện nay, con chung Dương Thị Mỹ D đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Con chung Phan Thị Huỳnh C hiện đang sống chung với chị tại địa chỉ Tổ A, Ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phan Thị Huỳnh C, không yêu cầu anh Phan Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Â vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Anh Phan Thanh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Dương Thị Â yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với anh Phan Thanh T, không có yêu cầu tài sản chung, nợ chung. Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn anh Phan Thanh T có địa chỉ tại xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên toà: Bị đơn anh Phan Thanh T

đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Â và anh Phan Thanh T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy chứng nhận kết hôn số 160, ngày 19/12/2005 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Â và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Dương Thị Â khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Thanh T vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn. Tại phiên toà, anh Phan Thanh T vắng mặt, không có văn bản trình bày kiến. Xét thấy, anh Phan Thanh T không thể hiện ý muốn hàn gắn, quan hệ hôn nhân của chị Dương Thị Â và anh Phan Thanh T có nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Âu L phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Dương Thị Â và anh Phan Thanh T có 02 con chung là Dương Thị Mỹ D, sinh năm 19/08/2004 và Phan Thị Huỳnh C, sinh ngày 21/07/2010. Hiện nay, con chung Dương Thị Mỹ D đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Con chung Phan Thị Huỳnh C hiện đang sống chung với chị Â. Khi ly hôn, chị Â yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Phan Thị Huỳnh C, không yêu cầu anh Phan Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Thanh T không có ý kiến về con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị Â và anh T không sống chung đến nay con chung đều sống chung và gần gũi với chị Â ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Â. Giao con chung tên Phan Thị Huỳnh C, sinh ngày 21/07/2010 cho chị Dương Thị Â trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Dương Thị Mỹ D đã trưởng thành, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Â phải chịu án phí theo quy

định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phan Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Â. Chị Dương Thị Â được ly hôn với anh Phan Thanh T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Â. Chị Dương Thị Â và anh Phan Thanh T có 02 con chung là Dương Thị Mỹ D, sinh năm 19/08/2004 và Phan Thị Huỳnh C, sinh ngày 21/07/2010. Sau khi ly hôn, giao con chung tên Phan Thị Huỳnh C, sinh ngày 21/07/2010 cho chị Dương Thị Â được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, con chung Phan Thị Huỳnh C đang sống chung với chị Â.

Đối với con chung Dương Thị Mỹ D đã trưởng thành, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Â phải chịu tiền án phí dân sự sơ

thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013302 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị Dương Thị Â đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn

Anh Phan Thanh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Hoà AN, TPCL, tỉnh Đồng Tháp (số 160 ngày 19/17/2005);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thanh Thảo